**Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ**

**5.1 Trình tự, cách thức, thời gian thực hiện:**

| **TT** | **Trình tự thực hiện** | **Cách thức thực hiện** | **Thời gian giải quyết** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước 1** | **Nộp hồ sơ thủ tục hành chính** | Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định và nộp hồ sơ qua các cách thức sau: |  |
| Nộp hồ sơ đăng ký kiểm định trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm Đăng kiểm phương tiên cơ giới thủy, bộ; nộp phí kiểm định; nhận số thứ tự thực hiện kiểm định xe (nếu có) (số 386, đường Điện Biên Phủ, xã Mỹ Trà, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp). | Buổi sáng từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút  Buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ  Thứ 2 – thứ 6: làm việc buổi sáng + buổi chiều  Thứ 7 làm việc buổi sáng |
| **Bước 2** | **Tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính** | Nhân viên nghiệp vụ được phân công kiểm tra thành phần hồ sơ:  - Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn khách hàng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.  - Nếu hồ sơ đầy đủ thì thu và xuất hóa đơn thu phí kiểm định, chuyển cho hồ sơ cho Phòng Đăng kiểm xe cơ giới thực hiện kiểm định.  Trường hợp khách hàng đề nghị kiểm định ngoài Trung tâm thì báo cáo Ban Giám đốc để xác định thời gian và nhân sự kiểm định; thống nhất thời gian và địa điểm kiểm định xe cơ giới (nơi kiểm tra phải đáp ứng điều kiện quy định tại Phụ lục VIII Thông tư 86/2014/TT-BGTVT). Nhân viên nghiệp vụ chuyển hồ sơ đến đăng kiểm viên được phân công. | Ngay khi giải quyết hồ sơ |
| **Bước 3** | **Giải quyết thủ tục hành chính** | Đăng kiểm viên kiểm định xe cơ giới.  - Nếu kết quả kiểm định ATKT và BVMT xe cơ giới không đạt, đăng kiểm viên thông báo hạng mục không đạt để khách hàng biết sửa chữa, khắc phục.  - Nếu kết quả kiểm định ATKT và BVMT xe cơ giới đạt thì hướng dẫn khách hàng lái xe đến bãi đỗ xe chờ nhận kết quả (trường hợp kiểm tra ngoài đơn vị thì hẹn ngày khách hàng đến nhận kết quả). | Trong ngày làm việc: kiểm định tại Trung tâm  02 ngày làm việc: kiểm định ngoài Trung tâm |
| **Bước 4** | **Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính** | Đăng kiểm viên nhập thông tin vào chương trình quản lý kiểm định và in Biên bản kiểm tra  Nhân viên nghiệp vụ được phân công thu phí sử dụng đường bộ, lệ phí cấp Giấy chứng nhận và Tem kiểm định, in Ấn chỉ kiểm định và chuyển hồ sơ đến Ban giám đốc kiểm tra, ký duyệt; Đóng dấu, phô tô lưu trữ; Trực tiếp trả hồ sơ và dán Tem lên kính xe. | Buổi sáng từ 07 giờ đến 11 giờ 30 phút  Buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ  Thứ 2 – thứ 6: làm việc buổi sáng + buổi chiều  Thứ 7 làm việc buổi sáng |

**5.2 Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ:**

**Kiểm định lần đầu để lập hồ sơ phương tiện**

Văn bản đề nghị kiểm tra của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Phụ lục VII Thông tư 86/2014/TT-BGTVT (trường hợp không đưa được xe đến đơn vị Đăng kiểm).

Bản sao phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với trường hợp xe sản xuất, lắp ráp trong nước iểm tra lưu hành lần đầu của các xe có đăng ký lần sau ngày 14/3/2014).

Xuất trình một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau:

- Bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

- Bản sao có chứng thực giấy đăng ký xe kèm Biên nhận thế chấp của tổ chức tín dụng đang cầm giữ;

- Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính.

Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực.

Văn bản chấp thuận của cơ quan địa phương có thẩm quyền về khu vực cho phép xe của tổ chức cá nhân hoạt động còn hiệu lực.

**Kiểm định các chu kỳ tiếp theo**

Văn bản đề nghị kiểm tra của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Phụ lục VII Thông tư 86/2014/TT-BGTVT (trường hợp không đưa được xe đến đơn vị Đăng kiểm).

Xuất trình một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau:

- Bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

- Bản sao có chứng thực giấy đăng ký xe kèm Biên nhận thế chấp của tổ chức tín dụng đang cầm giữ;

- Bản sao giấy đăng ký xe có xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính.

Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực.

Văn bản chấp thuận của cơ quan địa phương có thẩm quyền về khu vực cho phép xe của tổ chức cá nhân hoạt động còn hiệu lực.

**b) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**5.3 Cơ quan thực hiện:**

Trung tâm Đăng kiểm phương tiện cơ giới thủy, bộ

**5.4 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Cá nhân, tổ chức.

**5.5 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**:

Giấy chứng nhận và Tem lưu hành xe chở người 4 bánh có gắn động cơ

**5.6 Giá dịch vụ kiểm định xe chở người bốn bánh có gắn động cơ**

a) Mức giá cơ bản: *(áp dụng cho Máy kéo, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và các loại phương tiện vận chuyển tương tự)*: 180.000 đồng/xe

b) Những xe cơ giới kiểm định không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phải bảo dưỡng sữa chữa để kiểm định lại. Giá các lần kiểm định lại được tính như sau: Nếu việc kiểm định lại được tiến hành cùng ngày (trong giờ làm việc) với lần kiểm định đầu tiên thì: miễn thu đối với kiểm định lại lần 1 và 2; kiểm định lại từ lần thứ 3 trở đi mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% mức giá quy định.

c) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 01 ngày và trong thời hạn 07 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu, mỗi lần kiểm định lại thu bằng 50% giá quy định.

d) Nếu việc kiểm định lại được tiến hành sau 7 ngày (không kể ngày nghỉ theo chế độ) tính từ ngày kiểm định lần đầu thì giá kiểm định được tính như kiểm định lần đầu.

e) Kiểm định xe cơ giới để cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (có thời hạn không quá 15 ngày) thu bằng 100% giá quy định.

f) Kiểm định mang tính giám định kỹ thuật, đánh giá chất lượng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thu với mức giá thỏa thuận nhưng không vượt quá 3 lần mức giá quy định.

**5.7 Phí sử dụng đường bộ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Loại phương tiện chịu phí** | **Mức thu** (nghìn đồng) | | | | | | |
| 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng | 12 tháng | 18 tháng | 24 tháng | 30 tháng |
| 1 | Xe chở người và xe chở hàng 4 bánh có gắn động cơ. | 180 | 540 | 1.080 | 2.160 | 3.150 | 4.150 | 5.070 |

Ghi chú:

- Mức thu của 01 tháng năm thứ 2 (từ tháng thứ 13 đến tháng thứ 24 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 92% mức phí của 01 tháng trong Biểu nêu trên.

- Mức thu của 01 tháng năm thứ 3 (từ tháng thứ 25 đến tháng thứ 30 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 85% mức phí của 01 tháng trong Biểu nêu trên.

- Thời gian tính phí theo Biểu nêu trên tính từ khi đăng kiểm xe, không bao gồm thời gian của chu kỳ đăng kiểm trước. Trường hợp chủ phương tiện chưa nộp phí của chu kỳ trước thì phải nộp bổ sung tiền phí của chu kỳ trước, số tiền phải nộp = Mức thu 01 tháng x Số tháng phải nộp của chu kỳ trước.

**5.8 Lệ phí cấp Giấy chứng nhận và Tem lưu hành:**

- Mức thu: 100.000 đồng/lần đối với xe chở người dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương); 50.000 đồng/lần đối với các loại xe cơ giới khác.

**5.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Văn bản đề nghị kiểm tra cấp GCN lưu hành xe chở người bốn bánh có gắm động cơ.



**5.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

Xe được hoạt động ở địa phương nào thì do các đơn vị đăng kiểm ở cùng địa phương xe hoạt động kiểm tra lưu hành.

Không quy định đối với xe sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an,

Địa điểm kiểm tra xe phải đáp ứng điều kiện quy định tại Phụ lục VIII của Thông tư 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014

**5.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Luật Giao thông đường bộ số [23/2008/QH12](http://vbqppl.mt.gov.vn/documents/1283.aspx)ngày 13/11/2008;

Thông tư 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

Thông tư 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

Thông tư 70/2021/TT-BTC ngày 12/08/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Công văn số 6192/ĐKVN-TC ngày 26/12/2016 của Cục Đăng kiểm Việt Nam hướng dẫn những điểm mới của Thông tư 293/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính về thu phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện, thay thế Thông tư 133/2014/TT-BTC.

Thông tư 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ GTVT sửa đổi bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm.

Thông tư 86/2014/TT-GTVT ngày 31/12/2014 của Bộ GTVT quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế.

Công văn số 1667/ĐKVN-VAR ngày 11/5/2015 của Cục ĐKVN hướng dẫn một số điểm trong công tác kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế